

Bản án số: 43/2017/HS-ST
Ngày 07-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Dũng.
2. Ông Lê Hoàng Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Nhà truyền thống khu di tích lịch sử địa đạo L, huyện B, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2017/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Trần Văn S** (Tên gọi khác: B); sinh ngày: 09/8/1996 tại: tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú hiện nay: khu phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Số căn cước công dân: A; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D, sinh năm 1974 và bà Trần Thị L, sinh năm 1974; Vợ, con: chưa có; Tiền án: ngày 24/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh áp dụng Khoản 1 Điều 115, Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em”, chấp hành án phạt tù xong ngày 27/4/2016. Chưa được xóa án tích theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 64 Bộ luật Hình sự. Tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2017 đến nay. Bị cáo có mặt.

2. **Nguyễn Thị T**, sinh ngày: 04/11/1997 tại: tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú hiện nay: Khu phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh; số căn cước công dân: C; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1977 và bà Lê Thị R, sinh năm 1979; Chồng, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2017 đến nay. Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 30/8/2017, tại khu phố K thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tây Ninh phối hợp cùng Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện B bắt quả tang Trần Văn S đang bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Q và Nguyễn Minh D. Vật chứng thu giữ: 01 bịch nilon được hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, tiền Việt Nam 1.000.000 đồng và một số vật chứng khác có liên quan.

Quá trình điều tra, S khai nhận: vào ngày 28/8/2017, S đến xã P, huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh gặp người đàn ông tên Phúc không rõ họ và địa chỉ mua 01 bịch ma túy giá 1.700.000 đồng về cất giấu tại phòng số 5 nhà nghỉ P thuộc khu phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh để sử dụng và bán cho những người nghiện. Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 30/8/2017, Nguyễn Q và Nguyễn Minh D đến phòng trọ của S hỏi mua 01 bịch ma túy, S đồng ý bán và chia nhỏ số ma túy thành 02 bịch, S bán cho Q và D 01 bịch ma túy giá 1.000.000 đồng còn 01 bịch S giấu vào túi quần, lúc này Nguyễn Thị T là bạn gái của S vào báo cho S biết có lực lượng Công an kiểm tra, S đưa bịch ma túy còn lại cho T đem ra sau nhà nghỉ P cất giấu.

Qua xác minh cùng ngày 30/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh bắt khẩn cấp Nguyễn Thị T để xử lý về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và thu giữ bịch ma túy đã giấu sau nhà nghỉ P. Tại cơ quan điều tra T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngoài ra vào ngày 15/8/2017, tại nhà nghỉ N thuộc khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, S bán 01 bịch ma túy giá 800.000 đồng cho D và Q.

Kết luận giám định số 174/MT-2017, ngày 05/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: tinh thể màu trắng trong suốt bên trong 01 bịch nilon màu trắng ký hiệu M1 là chất ma túy, là loại Mathamphetamine, trọng lượng 0,6740 gam; tinh thể màu trắng trong suốt bên trong bịch nilon màu trắng ký hiệu M2 là chất ma túy, là loại Mathamphetamine, trọng lượng 2,4263 gam.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của các bị cáo:

- + Số tiền 1.000.000 đồng thu giữ trong người bị cáo S.
- + 02 bìch nylon màu trắng, bên trong có chứa tinh thể màu trắng trong suốt là chất ma túy, loại Mathamphetamine (được niêm phong: 01 gói ghi vụ số 174/1 và 01 gói ghi vụ số 174/2);
- + 02 cây kéo bằng kim loại, màu trắng, đã qua sử dụng;
- + 01 bật lửa vỏ bằng nhựa màu vàng;
- + 01 bình nhựa màu trắng, nắp màu tím, trên nắp bình có gắn ống nhựa màu đen và ống thủy tinh màu trắng, đã qua sử dụng;
- + 01 Điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng, số Imell: 358619062087585.
- + 01 Điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, đã qua sử dụng, số Imell: 353677085786646.

Hành vi của Nguyễn Q và Nguyễn Minh D sử dụng trái phép chất ma túy, Công an tỉnh Tây Ninh đã xử phạt hành chính.

Đối với người tên Phúc, do không rõ lai lịch địa chỉ nên không làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 40/QĐ-KSĐT ngày 14 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố Trần văn S, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự; xét xử đối với Nguyễn Thị T, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần văn S và Nguyễn Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Văn S từ 07 năm đến 08 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo S.

Áp dụng Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Thị T từ 02 năm đến 03 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo S và bị cáo T thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo S và bị cáo T đều xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo .

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Cầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Ngày 15/8/2017, tại khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh Trần văn S bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Q và Nguyễn Minh D. Đến khoảng 15 giờ 45 phút ngày 30/8/2017 tại khu phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, Trần văn S cùng với Nguyễn Thị T bán 3,1003 gam ma túy, loại Mathamphetamine cho Nguyễn Q và Nguyễn Minh D thì bị bắt quả tang. Do đó, hành vi của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Hành vi của Nguyễn Q và Nguyễn Minh D sử dụng trái phép chất ma túy, Công an tỉnh Tây Ninh đã xử phạt hành chính. Đối với người tên Phúc, do không rõ lai lịch địa chỉ nên không làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo S và bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, là một trong những nguyên nhân gây lây lan căn bệnh thế kỷ HIV và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác nên cần có hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo phạm tội là đồng phạm giản đơn, không có có bàn bạc phân công vai trò, cấu kết chặt chẽ **nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.** **Cụ thể:** Bị cáo S là người thực hiện hành vi bán ma túy cho người khác sử dụng nhiều lần để thu lợi bất chính là tình tiết định khung tại điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao

nhất trong vụ án. Bị cáo T là đồng phạm với vai trò giúp sức che giấu hành vi bị cáo S mua bán ma túy 01 lần vào ngày 30/8/2017 nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của bị cáo sau bị cáo S.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Do đó xét thấy cần áp dụng hình phạt tù giam để cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục cho các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội biết chấp hành pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo S đã bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh áp dụng Khoản 1 Điều 115, điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em”, chấp hành án phạt tù xong ngày 27/4/2016. Chưa được xóa án tích theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 64 Bộ luật Hình sự, nên phạm tội lần này là tái phạm; Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo S và bị cáo T thật thà khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T còn có ông Ngoại và ông Nội là người có công với cách mạng, đều là thương binh, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T được quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, xét thấy bị cáo S và bị cáo T không có tài sản nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của các bị cáo thì thấy rằng:

- + Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ trong người bị cáo S, đây là tiền bị cáo S thu từ việc mua bán ma túy có được phải tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- + Đối với 02 bịch nylon màu trắng, bên trong có chứa tinh thể màu trắng trong suốt là chất ma túy, loại Mathamphetamine (được niêm phong 01 gói ghi vụ số 174/1 và 01 gói ghi vụ số 174/2); 02 cây kéo; 01 bật lửa; 01 bình nhựa là vật chứng cần tịch thu tiêu hủy.

- 02 Điện thoại di động hiệu Nokia của bị cáo S, bị cáo S đã dùng vào việc liên lạc mua bán ma túy là phương tiện thực hiện tội phạm, những thiết bị này vẫn còn giá trị sử dụng nên tịch thu, phát mại, sung Ngân sách Nhà nước.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Thị T phạm tội “Mua bán trái

phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 194; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trần Văn S 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/8/2017.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo S.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/8/2017.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen đã qua sử dụng số Imell: 358619062087585; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đã qua sử dụng số Imell: 353677085786646.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong ghi vụ số 174/1 và 01 gói niêm phong ghi vụ số 174/2, tất cả đều có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn N và trợ lý giám định Nguyễn Hoàng Chi M thuộc phòng PC54 Công an Tây Ninh; 02 cây kéo bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng; 01 bật lửa vỏ bằng nhựa màu vàng, đã qua sử dụng; 01 bình nhựa màu trắng, nắp màu tím, trên nắp có gắn ống nhựa màu đen và ống thủy tinh màu trắng đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98 và 99 Bộ luật Hình sự, bị cáo Trần Văn S và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- CA huyện Bến Cầu;
- Chi Cục THADS huyện Bến Cầu;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

.....

.....

Nguyễn Hoàng Mai